

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH VỀ TRÁNH THAI Ở HỌC SINH TRUNG HỌC

Nguyễn Ngọc Minh, Đỗ Đức Văn
Bệnh viện Phụ Sản Trung ương

DOI 10.46755/vjog.2018.4.495

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, thực hành, tránh thai, học sinh trung học.
Keyword: Knowledge, attitudes, practices, contraception, high school students.

Tóm tắt

Mục tiêu: Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về tránh thai ở học sinh trung học.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang có phân tích trên 400 học sinh trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Hải Dương.

Kết quả: Gần 80% số học sinh được khảo sát hiểu đúng về nguy cơ “có thể mang thai dù chỉ quan hệ tình dục một lần”, có tới 82% trong tổng số học sinh cho rằng “vô sinh” là hậu quả nghiêm trọng của việc phá thai không an toàn. Sử dụng bao cao su và thuốc tránh thai khẩn cấp là biện pháp tránh thai được biết đến nhiều nhất (tỷ lệ tương ứng là 80,3% và 78%) trong khi xuất tinh ngoài âm đạo là biện pháp tránh thai mà học sinh biết đến ít nhất với chỉ 10,7%. Trong 400 học sinh được hỏi chỉ có 50 học sinh (12,5%) đã có quan hệ tình dục trước hôn nhân và cũng chỉ 11,3% trong số họ có sử dụng biện pháp tránh thai khi quan hệ tình dục.

Kết luận: nghiên cứu này khẳng định một lần nữa những thiếu sót trong việc cung cấp thông tin về phòng tránh thai cho học sinh trung học để giúp các em tiếp cận với đầy đủ kiến thức và có lựa chọn đúng đắn trong vấn đề phòng tránh thai.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, thực hành, tránh thai, học sinh trung học.

Abstract

THE KNOWLEDGE, ATTITUDES AND PRACTICE OF CONTRACEPTION AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS

Objectives: To assess knowledge, attitudes and use of contraception among high school students.

Materials and methods: A cross-sectional descriptive study on 400 students of Nguyen Binh Khiem high school, Hai Duong city.

Results: Almost 80 percent of students believed they could be pregnant even sex only one time, up to 82% of students said that infertility is a result of unsafe abortion. Most of participants know that using condoms

Tác giả liên hệ (Corresponding author):
Nguyễn Ngọc Minh,
email: vago.vn@gmail.com
Ngày nhận bài (received):
Ngày phản biện đánh giá bài báo (revised):
05/01/2018
Ngày bài báo được chấp nhận đăng
(accepted): 12/01/2018

and emergency contraceptive pills are safety ontraception accounted for 80.3%, 78% while the rate of coitus interruptus was low (10.7%). Among 400 students, only 50 of them (12.5%) had sex before marriage and just 11.3% of participants (who had sex before marriage) used contraception when having sex. Conclusion: This study confirms once again the shortcomings in the provision of information about pregnancy prevention for high school students that can help students more opportunities to arrive on time and choose effective contraceptive methods.

Keywords: Knowledge, attitudes, practices, contraception, high school students.

1. Đặt vấn đề

Quan hệ tình dục (QHTD) sớm và phá thai ở tuổi vị thành niên tại nhiều nước đang tăng lên ở mức báo động, đặc biệt là các nước đang phát triển. Hoạt động tình dục của vị thành niên đến sớm và nhiều hơn so với trước kia tùy thuộc vào từng Quốc gia và nền văn hóa khác nhau. Ở các nước phát triển như Newzealand có 49% đối tượng vị thành niên (15-19 tuổi) có QHTD trước hôn nhân, Ở Mỹ là 46% và Thụy Điển là 54,2% nam VTN đã có QHTD [1]. Tại Indonesia, theo cơ quan kế hoạch Quốc gia đã đưa ra thông báo hơn một nửa số thanh thiếu niên ở Jakarta đã tham gia QHTD trước hôn nhân [2].

Tại Việt Nam, theo kết quả điều tra SAVY 2 năm 2008 có 9,5% thanh niên đã từng có QHTD trước hôn nhân (tỷ lệ này ở SAVY 1 là 7,6%). Tỷ lệ nam thanh niên đã từng có QHTD khi chưa lập gia đình là 13,6%, cao hơn hai lần tỷ lệ này ở nữ là 5,2% (con số tương ứng ở SAVY 1 là 11,1% và 4%). Cũng như ở nhiều nước khác trên thế giới trong giai đoạn hiện đại hóa, tuổi QHTD lần đầu trung bình của thanh niên có xu hướng giảm từ 19,6 tuổi ở SAVY 1 xuống còn 18,1 tuổi ở SAVY 2. Trong khi đó, kiến thức về mang thai và tránh thai ở thanh thiếu niên Việt Nam còn rất hạn chế, thanh thiếu niên chủ yếu biết được thông tin về mang thai hay kế hoạch hóa gia đình qua các nguồn thông tin đại chúng. Mức độ biết các thông tin này từ nhà trường, gia đình, nhân viên y tế/dân số hay các cơ sở tư vấn sức khỏe sinh sản còn rất khiêm tốn [3],

[4]. Đề tài "Kiến thức, thái độ, thực hành về tránh thai ở học sinh trung học" được tiến hành với mục đích mô tả kiến thức, thái độ và thực hành trong việc phòng tránh thai nhằm xác định các thiếu sót trong việc tiếp cận vấn đề này đối với học sinh (HS) trung học.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng: HS trung học (khối lớp 10, 11, 12)

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

Cỡ mẫu nghiên cứu: 400 học sinh cả 3 khối được lựa chọn bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: nghiên cứu được tiến hành tại trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm - Thành phố Hải Dương từ tháng 3/2013 đến tháng 6/2013.

Thu thập - xử lý - phân tích số liệu: số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi tự điền, khuyết danh. Sử dụng phần mềm SPSS để phân tích số liệu. Kết quả được trình bày dưới dạng tỷ lệ phần trăm (%), giá trị trung bình, giá trị OR.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Kiến thức của học sinh về các vấn đề dậy thì và tránh thai

Kiến thức của học sinh về dậy thì ở nam và nữ: Nhìn chung tỷ lệ HS nam và HS nữ có hiểu biết

về các dấu hiệu dậy thì thuộc giới tính của mình hơn là giới tính khác. Có đến 68,9 % HS cho rằng "có kinh nguyệt" là biểu hiện quan trọng nhất ở dậy thì nữ và 65,2% nghĩ biểu hiện dậy thì ở nam là "vỡ giọng, giọng ồm". Trong khi đó số HS biết đến biểu hiện "có ham muốn về tình dục" trong tuổi dậy thì ở cả nam và nữ chiếm tỷ lệ không cao (tương ứng 17,5% , 36,5%).

Tuổi hành kinh và mộng tinh lần đầu ở HS nam và nữ: HS nữ hành kinh lần đầu chủ yếu ở nhóm tuổi từ 13-15 tuổi (65,6%) và 14-16 tuổi là nhóm tuổi mà phần lớn HS nam mộng tinh lần đầu (25,6%). Đáng chú ý, có đến 67,6% HS nam không nhớ tuổi mộng tinh lần đầu trong khi chỉ có 19% số HS nữ không nhớ hành kinh lần đầu ở tuổi nào. Bố/mẹ là đối tượng mà HS lựa chọn chia sẻ về mộng tinh và hành kinh nhiều nhất (41,5%), tiếp đến là bạn bè (6,5%) và anh/chị/em (4,7%). Tỷ lệ HS không nói với ai chiếm tỷ lệ khá cao 15,3%, đặc biệt là không có HS nào chia sẻ điều này với thầy cô giáo.

Kiến thức về mang thai

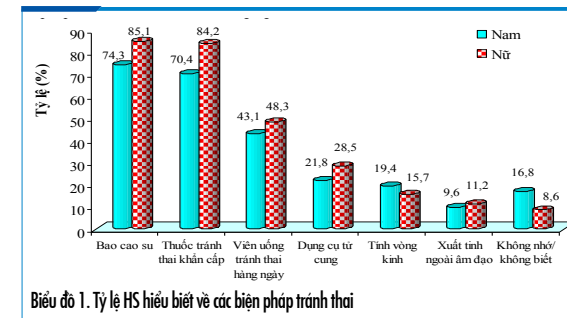
Bảng 1. Tỷ lệ HS hiểu biết về tình dục và mang thai

Nội dung	Nam		Nữ		p
	Số lượng biết đúng	Tỷ lệ % biết đúng	Số lượng biết đúng	Tỷ lệ % biết đúng	
Từ khi nào một bạn nam có thể làm bạn nữ có thai	112	62,6	128	57,9	> 0,05
Từ khi nào một bạn nữ có thể có thai	79	44,1	157	71	< 0,001
Thời điểm nào trong chu kỳ kinh nguyệt bạn gái dễ mang thai nhất	29	16,2	63	28,5	> 0,05
Có thể mang thai hay không dù chỉ QHTD một lần	121	67,6	174	78,7	< 0,05

Kiến thức về tình dục và mang thai của học sinh khá tốt, có 78,7% nữ và 67,6% nam biết đúng "có thể mang thai hay không dù chỉ quan hệ tình dục một lần". Tỷ lệ học sinh biết đúng "Thời điểm nào trong chu kỳ kinh nguyệt bạn gái dễ mang thai nhất" là thấp nhất (nam 16,2% và nữ 28,5%).

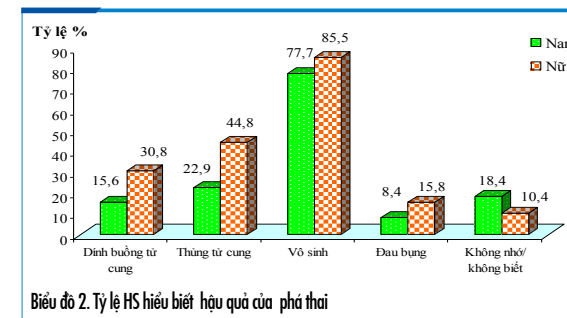
Kiến thức về các biện pháp tránh thai

Tỷ lệ khá cao học sinh được khảo sát đã nghe về biện pháp tránh thai chiếm 87% (nam 82,1% và nữ 91%). Trong đó sử dụng bao cao su và thuốc tránh thai khẩn cấp là biện pháp tránh thai được biết đến nhiều nhất, lần lượt là 80,3% và 78%. Xuất tinh ngoài âm đạo là biện pháp tránh thai mà các đối tượng nghiên cứu biết đến ít nhất với chỉ 10,7%.



Kiến thức về vấn đề phá thai

Hầu hết HS đã nghe đến việc phá thai chiếm 89,2% và phần lớn cho rằng "vô sinh" là hậu quả nghiêm trọng của việc phá thai (trong đó 77,7% nam và 85,5% nữ). Trong khi "đau bụng" lại chiếm tỷ lệ thấp, trung bình 12,5%.



3.2 Thái độ của học sinh về tránh thai

Bảng 2. Thái độ của HS về các biện pháp tránh thai

Quan điểm	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không nhớ/không biết (%)
Bao cao su là giải pháp cho vị thành niên khi có quan hệ tình dục.	157 (39,2)	155 (38,8)	35 (8,8)	14 (3,5)	39 (9,7)
Biện pháp tránh thai chỉ dành cho người đã kết hôn	22 (5,5)	50 (12,5)	173 (43,2)	99 (24,8)	56 (14)
Cần phải cung cấp một số biện pháp tránh thai cho vị thành niên nếu họ có quan hệ tình dục	137 (34,3)	45 (11,2)	22 (5,5)	9 (2,2)	53 (13)

Trong tổng số 400 học sinh được hỏi có đến 78% cho rằng "bao cao su là giải pháp cho vị thành niên khi có QHTD" và tỷ lệ khá cao không nghĩ "biện pháp tránh thai chỉ dành cho người đã kết hôn" (68%), gần 80% HS cho biết nên cung cấp một số biện pháp tránh thai cho vị thành niên khi có QHTD.

Phần lớn số HS được khảo sát đồng ý với chương trình truyền thông, giáo dục về SKSS vị thành niên bắt đầu trước tuổi dậy thì (86,3%) và chưa đến 1/5

Bảng 3. Thái độ của HS về truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản (SKSS)

Quan điểm	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không nhớ/không biết (%)
Chương trình truyền thông, giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên nên bắt đầu từ trước tuổi dậy thì.	203 (50,7)	142 (35,5)	20 (5)	12 (3)	23 (5,8)
Chương trình giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên có thể khuyến khích học sinh có quan hệ tình dục sớm hơn.	30 (7,5)	40 (11,5)	145 (36,2)	143 (35,8)	36 (9)
Chương trình giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên chỉ được coi là đầy đủ nếu nó chú ý đến nhu cầu của cả nam và nữ.	81 (20,2)	147 (36,8)	90 (22,5)	15 (3,8)	67 (16,7)

số HS cho rằng chương trình này có thể khuyến khích HS có QHTD sớm hơn. Đáng chú ý là 26,3% không nghĩ rằng “chương trình giáo dục SKSS vị thành niên chỉ được coi là đầy đủ nếu nó chú ý đến nhu cầu của cả nam giới và nữ giới”

3.3 Thực hành của học sinh về tránh thai

Hành vi quan hệ tình dục: Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng số HS đã từng có QHTD chiếm tỷ lệ thấp 12,5% và cũng chỉ 11,3% trong số họ có sử dụng biện pháp tránh thai khi QHTD.

Biện pháp tránh thai được sử dụng khi QHTD

Bảng 4. Tỷ lệ các biện pháp tránh thai mà HS đã sử dụng khi QHTD

Biện Pháp	Nam (n=179)		Nữ (n=221)		Tổng	
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Dùng cu từ cung	0	0	1	0,5	1	0,25
Thuốc tránh thai hàng ngày	8	4,4	3	1,4	11	2,75
Bao cao su	15	8,4	13	5,8	28	7
Thuốc tiêm tránh thai	1	0,6	1	0,5	2	0,5
Thuốc uống tránh thai khẩn cấp	1	0,6	2	0,9	3	0,75
Xuất tinh ngoài âm đạo	6	3,4	3	1,4	9	2,25
Tinh vòng kinh	4	2,2	0	0	4	1
Biện pháp khác	3	1,7	1	0,5	4	1
Không sử dụng	141	78,7	197	89	338	84,5
Tổng Số	179	100	221	100	400	100

Kết quả nghiên cứu cho thấy bao cao su là biện pháp tránh thai được sử dụng nhiều nhất (28 lần chiếm 7%) và sử dụng viên thuốc tránh thai khẩn cấp là ít nhất (0,8%).

4. Bàn luận

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tuổi dậy thì trung bình ở nam là 14,8 và ở nữ là 13,7. Tuổi

dậy thì trung bình muộn hơn so với nghiên cứu của Đỗ Thu Hồng (ở nam là 13,8, ở nữ là 13) [5], sớm hơn của Đinh Anh Tuấn (ở nam là 15,67, ở nữ là 14,49) [6] và sớm hơn nghiên cứu SAVY 2 (ở nam là 15,52, ở nữ là 14,21) [7]. Điều này cũng giống như nhiều tác giả khác nhận xét là tuổi dậy thì có xu hướng giảm đi, nữ thường dậy thì sớm hơn nam 1 năm. Có đến 69,8% HS biết ít nhất một dấu hiệu dậy thì ở nữ trở lên và 65,2% HS biết ít nhất một dấu hiệu dậy thì ở nam trở lên. Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Đỗ Thu Hồng (68,3%) và Nguyễn Văn Nghị (57,8%) [8]. Như vậy khi được hỏi về các dấu hiệu dậy thì ở chính giới tính của học sinh thì các em trả lời đúng các dấu hiệu dậy thì của giới tính mình tốt hơn các em HS giới tính khác. Mặt khác, đây cũng là một câu hỏi tế nhị, rất nhiều bạn đã ngại ngùng khi nói đến các dấu hiệu dậy thì của người khác giới, nhất là các bạn gái, nên có thể đối tượng biết nhưng vẫn trả lời là “không biết”. Chia sẻ về vấn đề mộng tinh và hành kinh lần đầu tiên, bố/mẹ là đối tượng được học sinh lựa chọn đông nhất (41,5%). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Đỗ Thu Hồng.

Trong khi nghiên cứu của A.Ab Rahman & cộng sự tại Malaysia người đầu tiên HS chia sẻ về mộng tinh và hành kinh lần đầu lại là bạn bè, chiếm tỷ lệ rất cao 64,4% [9]. Theo kết quả một cuộc khảo sát trực tuyến tại Mỹ năm 2010 (có 829 ông bố và 1113 bà mẹ đã tham gia) cho biết tỷ lệ chia sẻ về các vấn đề tình dục, giới tính giữa họ và con cái của họ rất thấp nên đã khuyến nghị hỗ trợ thông tin liên lạc giữa cha mẹ và con về chủ đề tình dục (cả con trai cũng như con gái) [9].

Đã có sự khác biệt giữa nghiên cứu ở Việt Nam và nước ngoài, có thể ở nước ta cha, mẹ thường gần gũi với con cái hơn. Như vậy, bố mẹ là người rất quan trọng và cần phải có nhận thức tốt về sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên, đặc biệt là các đặc điểm của giai đoạn dậy thì của các em.

Kiến thức về tình dục và mang thai của HS tương đối tốt, có tới 62,6% HS nam biết đúng “Từ khi nào một bạn nam có thể làm bạn nữ có thai” và 71% HS nữ biết đúng “Từ khi nào một bạn nữ có thể có thai”. Tỷ lệ này cao hơn hẳn nghiên cứu của Đỗ Thu Hồng (42,5%) [5] và Nguyễn Văn Nghị (33,5%) [8]. Có thể do nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện tại trường trung học phổ thông nên kiến thức của các em

về mang thai cao hơn của các tác giả trên. Để khảo sát sâu hơn kiến thức của đối tượng về sự thụ thai, một câu hỏi được đưa ra là “Theo bạn, QHTD vào thời điểm nào thì người phụ nữ dễ có thai nhất” với nhiều đáp án khác nhau, trong đó đáp án đúng là thời điểm giữa hai kỳ kinh: Có 22,4% đối tượng đã trả lời đúng câu này, tỷ lệ trả lời đúng khá cao so với SAVY 2 (13%) [7] và thấp hơn nghiên cứu của Đinh Anh Tuấn (38,5%) [6]. Tỷ lệ trả lời đúng có sự khác biệt giữa nam và nữ (HS nam trả lời đúng là 16,2% và HS nữ trả lời đúng là 28,5%), tỷ lệ này tương đồng trong SAVY 2 (tỷ lệ nam trả lời đúng câu này chỉ bằng khoảng 40% nữ) [7] và trong nghiên cứu của A.Ab Rahman & cộng sự (điểm số kiến thức trung bình của nữ về mang thai cao hơn đáng kể so với nam giới) [10]. Sự khác biệt trong các nghiên cứu của chúng tôi so với tác giả Đinh Anh Tuấn có thể là do chúng tôi tiến hành trên vị thành niên chưa lập gia đình nên kiến thức của đối tượng nghiên cứu về mang thai thấp hơn (trong nghiên cứu của Đinh Anh Tuấn ĐTNĐ đã kết hôn là 12,2%). Hiểu biết về thời điểm có thai của HS nữ cao hơn HS nam có thể do khi mang thai ngoài ý muốn thì nữ giới thường phải chịu hậu quả nặng nề hơn nam giới nên các em nữ dành nhiều thời gian tìm hiểu về vấn đề này. Với câu hỏi “Có thể mang thai hay không dù chỉ QHTD một lần” có sự tương đồng trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Nghị (32%) [8], và nghiên cứu của A.Ab Rahman & cộng sự (30,4%) [10]. Tuy nhiên trong nghiên cứu này tỷ lệ lại khá cao 73,1%. Có lẽ, nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành tại một trường trung học phổ thông thuộc đô thị loại 2 nên các yếu tố kinh tế, xã hội cũng có thể tác động nhiều đến hiểu biết của các em về mang thai.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tỷ lệ HS đã nghe về biện pháp tránh thai khá cao (87%). Tỷ lệ này thấp so với nghiên cứu của D.S Correria và cộng sự (2009) tại Brazil là 95,5% [11] cao hơn nghiên cứu của Đỗ Thu Hồng là 81,7% [5] và của Nguyễn Văn Nghị là 61,2% [8]. Sự khác biệt này có thể do sự khác biệt về độ tuổi trong từng đối tượng nghiên cứu. Các biện pháp tránh thai mà HS biết nhiều nhất là Bao cao su (80,3%) và thuốc tránh thai khẩn cấp (78%). Trong điều tra SAVY1 tỷ lệ này lần lượt là 93% và 42%, trong điều tra SAVY 2 tỷ lệ này là 93,5% và 42%. Tỷ lệ này trong nghiên cứu của tác giả Đinh Anh Tuấn là 93,4% và 65,4% còn trong nghiên cứu của Đỗ Thu Hồng là 63,1% và 58,3%. Còn trong nghiên cứu của

D.S Correria và cộng sự cho thấy thuốc tránh thai khẩn cấp là biện pháp tránh thai mà HS biết đến nhiều nhất 72,4% [11], tương đồng với nghiên cứu của R. Ahern và cộng sự với tỷ lệ 69,6% [12]. Như vậy có thể thấy rằng kết quả nghiên cứu của chúng tôi khá tương đồng với nghiên cứu D.S Correria & cộng sự và nghiên cứu của R. Ahern & cộng sự. Tuy nhiên lại thấp hơn so với nghiên cứu của Đinh Anh Tuấn, SAVY 1 và SAVY khi các nghiên cứu này cho tỷ lệ trên 90% đối tượng biết về bao cao su. Điều khác biệt này có thể lý giải là do trong điều tra SAVY 1 và SAVY 2 các điều tra viên đọc từng biện pháp tránh thai cho đối tượng nghe và chọn nên có thể kết quả cao hơn của chúng tôi. Các biện pháp tránh thai còn lại như viên thuốc tránh thai hàng ngày, dụng cụ tử cung, xuất tinh ngoài âm đạo, tinh vòng kinh... đều cho thấy tỷ lệ đối tượng biết đến khá thấp. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của một số tác giả như Nguyễn Văn Nghị, Đinh Anh Tuấn và Đỗ Thu Hồng. Có lẽ học sinh có xu hướng tìm hiểu nhiều hơn đến bao cao su và thuốc tránh thai khẩn cấp vì đây là các biện pháp tránh thai phù hợp hơn với lứa tuổi và hoàn cảnh sống của các em [6].

Phần lớn HS cho rằng bao cao su là giải pháp tốt khi có quan hệ tình dục (78%). Kết quả cao hơn so với nghiên cứu của Đỗ Thu Hồng, khi tỷ lệ này chỉ đạt 47,4% [5]. Đó là do nghiên cứu của tác giả Đỗ Thu Hồng diễn ra tại trường trung học cơ sở nên số HS đã có quan hệ tình dục rất thấp, thậm chí là chưa có. Để khảo sát thái độ đối với các biện pháp tránh thai chúng tôi đã đưa ra một quan điểm: “Bạn có đồng ý sử dụng biện pháp tránh thai chỉ dành cho người đã kết hôn” trong đó có tới 68% HS không đồng tình nhưng vẫn thấp hơn trong nghiên cứu của Đinh Anh Tuấn (90%) [6]. Như vậy đối tượng nghiên cứu cho thấy họ có thái độ tích cực đối với các biện pháp tránh thai, có thể là do các biện pháp tránh thai ngoài tác dụng tránh thai còn phòng tránh được các bệnh lây qua đường tình dục. Với câu hỏi “Bạn có đồng ý cần cung cấp một số biện pháp tránh thai cho đối tượng vị thành niên nếu họ không kiếm chế được, có quan hệ tình dục trước hôn nhân” có tới 79,3% HS đồng ý. Tỷ lệ này ở nghiên cứu của Đỗ Thu Hồng là 52%. Điều này cho thấy nhu cầu quan hệ tình dục đã xuất hiện ở học sinh trung học cơ sở và tăng lên ở học sinh trung học phổ thông.

Số HS đã có quan hệ tình dục trong nghiên cứu này chiếm 12,5% (trong đó nam 14,5% và nữ 9,5%). Tỷ lệ này theo kết quả điều tra SAVY 2 ở nhóm tuổi 18 - 21 tuổi là 12,3% và ở nhóm tuổi 14 - 17 tuổi là 1,65% [4]. Nghiên cứu của M. Larson & cộng sự (2007) tại các trường trung học ở Thụy Điển (học sinh 18 tuổi đang học tại các trường trung học) cho thấy có đến 78% HS đã quan hệ tình dục [13]. Nghiên cứu của A.T. Owolabi & cộng sự (2005) tại 5 trường trung học ở Nigeria tỷ lệ này là 63% HS [14]. Nghiên cứu của A.M.Karim (2003) ở Ghana (đối tượng từ 12 - 24 tuổi chưa lập gia đình) cho thấy 38,5% có quan hệ tình dục trước hôn nhân [15]. Các nghiên cứu của chúng ta cho thấy tỷ lệ đối tượng nghiên cứu có quan hệ tình dục trước hôn nhân thấp hơn rất nhiều nghiên cứu của một số tác giả nước ngoài, điều này cho thấy quan niệm và thái độ về tình dục của trẻ vị thành niên ở các nước như Thụy Điển, Nigeria, Ghana cởi mở hơn. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy “vô sinh” là hậu quả của phá thai không an toàn có số người biết đến cao nhất (82%). Đây cũng là hậu quả mà đối tượng nghiên cứu biết đến nhiều nhất trong nghiên cứu của Đinh Anh Tuấn (78,3%) [6] và Đỗ Thu Hồng (38,9%) [5]. Các hậu quả khác của phá thai không an toàn như: Nhiễm khuẩn, thủng tử cung, dính buồng tử cung, băng huyết được biết đến rất thấp dưới 50%. Kết quả của 3 nghiên cứu

là khá tương đồng, có thể hiện nay vô sinh đang là một thực trạng đáng báo động vì thế chủ đề này xuất hiện khá nhiều trên các phương tiện truyền thông nên đối tượng biết đến nhiều nhất.

5. Kết luận

Quan khảo sát trên trên 400 học sinh trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Hải Dương, chúng tôi phát hiện:

- Gần 80% số học sinh được khảo sát hiểu đúng về nguy cơ “có thể mang thai dù chỉ quan hệ tình dục một lần”, 82% trong tổng số học sinh cho rằng “vô sinh” là hậu quả nghiêm trọng của việc phá thai không an toàn.

- Sử dụng bao cao su và thuốc tránh thai khẩn cấp là biện pháp tránh thai được biết đến nhiều nhất (tỷ lệ tương ứng là 80,3% và 78%) trong khi xuất tinh ngoài âm đạo là biện pháp tránh thai mà học sinh biết đến ít nhất với chỉ 10,7%.

- Có 50 học sinh (12,5%) đã có quan hệ tình dục trước hôn nhân và cũng chỉ 11,3% trong số họ có sử dụng biện pháp tránh thai khi quan hệ tình dục.

Như vậy, nghiên cứu này khẳng định một lần nữa những thiếu sót trong việc cung cấp thông tin về phòng tránh thai cho học sinh trung học để giúp các em tiếp cận với đầy đủ kiến thức và có lựa chọn đúng đắn trong vấn đề phòng tránh thai.

Tài liệu tham khảo

1. J.Anne và S.Smith (2007), Adolescent: Sexuality and sexual assault-why they think they know it all, and why we still have so much to learn, FAMSACA, Melbourne.
2. Hans David Tampubolon (2010), Indonesia sees pre-marital sex active among teenager. McClatychy - Tribune Business News, truy cập ngày 01/11/2011, tại trang.
3. Bộ Y tế và Tổng Cục Thống Kê (2003), Điều tra quốc gia về vị thành niên, thanh niên SAVY1.
4. Bộ Y Tế và Tổng cục thống kê (2008), “Điều tra quốc gia về vị thành niên, thanh niên SAVY2”.
5. Đỗ Thu Hồng (2010), Kiến thức, thái độ về SKSS vị thành niên và một số yếu tố liên quan của học sinh trường THCS Tân Triều - Thanh Trì - Hà Nội, Luận văn thạc sỹ y tế công cộng, Trường Đại học Y tế công cộng.
6. Đinh Anh Tuấn (2011), Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành về sức khỏe sinh sản của người lao động trẻ di cư tại khu công nghiệp Đình Trám - Bắc Giang, Luận văn thạc sỹ Y học, Học viện Quân Y.
7. Bộ Y Tế và Tổng cục thống kê (2008), Điều tra quốc gia về vị thành niên, thanh niên SAVY2.
8. Nguyễn Văn Nghi (2011), Nghiên cứu quan niệm, hành vi tình dục và sức khỏe sinh sản ở vị thành niên huyện Chí Linh - Hải Dương, Luận án tiến sỹ Y tế công cộng, Trường Đại học Y tế công cộng.
9. E. K. & Koo Wilson, H. P., (2010), “Mothers, fathers, sons, and daughters: gender

differences in factors associated with parent-child communication about sexual topics”, *Reprod Health*, 7, tr. p 31.

10. A. Ab Rahman, Ab Rahman, R., Ibrahim, M. I., Salleh, H., Ismail, S. B., Ali, S. H., Muda, W. M., Ishak, M. & Ahmad, A. (2011), “Knowledge of sexual and reproductive health among adolescents attending school in Kelantan, Malaysia”, *Southeast Asian J Trop Med Public Health*, 42(3), tr. p 717-25.

11. D. S. Correia, Pontes, A. C. và các cộng sự. (2009), “Adolescents: contraceptive knowledge and use, a Brazilian study”, *ScientificWorldJournal*, (9), tr. 37-45.

12. R. Ahern, Frattarelli, L. A., Delto, J. & Kaneshiro, B. (2010), “Knowledge and awareness of emergency contraception in adolescents”, *J Pediatr Adolesc Gynecol*, 23(5), tr. p 273-8.

13. M. Larsson, Tyden, T. và các cộng sự. (2007), “Contraceptive use and associated factors among Swedish high school students”, *Eur J Contracept Reprod Health Care*, 12(2), tr. 119-124.

14. A. T. Owolabi, Onayade, A. A. và các cộng sự. (2005), “Sexual behaviour of secondary school adolescents in Ilesa, Nigeria: implications for the spread of STIs including HIV/AIDS”, *J Obstet Gynaecol*, 25(2), tr. 174-8.

15. A. M. Karim, Magnani, R. J. và các cộng sự. (2003), “Reproductive health risk and protective factors among unmarried youth in Ghana”, *Int Fam Plan Perspect*, 29(1), tr. 14-24.